

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2017/HSPT

Ngày: 25/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Phạm Văn Cảnh
- *Các Thẩm phán:* Ông Đỗ Đồng Chung và ông Lương Đức Dương
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:* Bà Trương Thị Diễm My – Cán bộ Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 17/2017/HSPT ngày 24 tháng 01 năm 2017, đối với bị cáo Nguyễn Đình Tr do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình Tr đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 97/2016/HSST ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Đình Tr**, sinh năm 1974 tại tỉnh Hải Dương; trú tại: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Đình T sinh năm 1944 và bà Phạm Thị L sinh năm 1944; có vợ là Lê Thị S sinh năm 1975 và 01 con sinh năm 2010; bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2015 đến ngày 08/01/2016 và từ ngày 27/9/2016 đến ngày 27/10/2016; đang tại ngoại – Có mặt.

* Người bị hại: **Chị Trần Thị Ph**; sinh năm: 1982; địa chỉ: Số 286, tổ 20, khu V, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị S, sinh năm: 1975; địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân huyện Đ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2014, qua sự quen biết thì Đoàn Hùng C, Nguyễn Hồng Đ và Nguyễn Đình Tr có hẹn gặp nhau tại 01 quán cà phê gần bến xe Miền Đông. Khi gặp nhau Tr giới thiệu bản thân có quen một số người làm trong ngành Công an và ông Phan Thúc Đ1 (Phó Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Công an tỉnh Đắk Nông) nên Tr có thể xin cho Trần Văn Ng (em trai người bị hại Trần Thị Ph) vào ngành Công an. Sau khi gặp Tr, ông Đ đã nói lại sự việc cho chị Ph biết. Đến ngày 11/10/2014, tại nhà riêng của Tr (tại thôn Q, xã N, huyện Đ) có ông C, ông Đ, vợ chồng chị Ph, anh Ng thì chị Ph và Tr đã thống nhất số tiền xin việc là 250.000.000 đồng, Tr sẽ xin việc cho anh Ng vào Công an tỉnh Đắk Nông, chị Ph đưa trước cho Tr 130.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ đưa sau khi xin hoàn thành. Ngày 12/10/2014, chị Ph theo thỏa thuận đã chuyển số tiền 130.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Tr đồng thời làm các thủ tục để Tr có thể nhập khẩu cho anh Ng vào tỉnh Đắk Nông. Tr chuyển hồ sơ của anh Ng và nhờ anh Đ1 nhập khẩu cho anh Ng vào nhà anh Đ1 tại thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông để đi nghĩa vụ công an (nhưng sau đó anh Đ1 không làm thủ tục nhập khẩu cho anh Ng). Đến ngày 09/02/2015, chị Ph liên hệ với Tr thì Tr nói với chị Ph đến tháng 5/2015 mới có quyết Đ1 tuyển dụng. Đến tháng 6/2015, Tr gọi điện yêu cầu chị Ph đưa thêm số tiền 30.000.000 đồng và hẹn đến tháng 7/2015 thì anh Ng sẽ được tuyển dụng vào Công an tỉnh Đắk Nông. Ngày 26/6/2015, chị Ph đã chuyển cho Tr số tiền 30.000.000 đồng theo yêu cầu của Tr. Sau đó, chị Ph không thấy anh Ng được tuyển dụng và cũng phát hiện ra việc Tr đã lừa dối chị. Ngày 15/11/2015, chị Ph đã làm đơn tố cáo Tr gửi Công an tỉnh Đắk Nông đề nghị xử lý.

Qua điều tra xác định ông Nguyễn Hồng Đ, anh Đoàn Hùng C, anh Phan Thúc Đ1 không liên quan trong vụ án này nên không có cơ sở để xử lý.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 97/2016/HSST ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình Tr phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; các điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình Tr 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giam từ ngày 16/12/2015 đến ngày 08/01/2016 và từ ngày 27/9/2016 đến ngày 27/10/2016.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 23/12/2016, bị cáo Nguyễn Đình Tr có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; kèm theo giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội và thừa nhận Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự là đúng pháp luật, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đình Tr.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận; bị cáo xin được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra công khai tại phiên toà phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo,

XÉT THẤY:

Bản án hình sự sơ thẩm số: 97/2016/HSST ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình Tr phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự là đúng pháp luật, không oan.

Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 160.000.000 đồng cho người bị hại, người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Gia đình bị cáo có công với cách mạng, cụ thể: ông bà nội của bị cáo là ông Nguyễn Đình Ph, bà Đinh Thị Q được tặng Bằng vàng danh dự, bố đẻ của bị cáo là ông Nguyễn Đình T được tặng huân huy chương kháng chiến hạng 3, cô ruột của bị cáo là bà Nguyễn Thị T là liệt sỹ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo theo hướng dẫn của Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội và Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Toà án nhân dân tối cao về việc áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo và áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 là phù hợp nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

Xét nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Trong giai đoạn phúc thẩm, bị cáo có cung cấp thêm tình tiết mới là gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, hai vợ chồng bị bệnh tật, không có con phải xin con nuôi, con còn nhỏ thường xuyên đau ốm phải đi bệnh viện; bản thân bị cáo Nguyễn

Đình Tr bị rất nhiều bệnh như viêm dạ dày, thoái hoá CSTL 11 ->15, sỏi thận (BL 165 – 167), suy tim độ IV, hở van tim nặng, suy thận, nang thận, thiếu máu cơ tim. Bác sĩ chỉ định phải phẫu thuật thay van tim, cần phải theo dõi và điều trị nhưng bị cáo chưa đi mổ. Ngày 11/4/2017, bị cáo còn bị tai nạn giao thông dẫn đến bị đa chấn thương, chấn thương ngực.

Tại Công văn số 23/CV-GĐYK ngày 25/7/2017 của Trung tâm Giám định y khoa Sở Y tế tỉnh Đắk Nông đã cho biết “*suy tim độ IV là loại suy tim nặng nhất, người bệnh bị khó thở ngay cả khi nghỉ ngơi, cần phải được duy trì thở oxy, điều trị liên tục và phối hợp nhiều loại thuốc; người bệnh phải được theo dõi sát vì có thể bị ngừng thở bất cứ lúc nào. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 4 Chương II Thông tư liên tịch số 03/2013/TTLT-BCA-TANDTC-VKSNDTC-BYT ngày 15/5/2015 hướng dẫn thi hành quy định về tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù đối với phạm nhân thì bệnh suy tim độ III trở lên được quy định là bệnh nặng” và kết luận “người bệnh được chẩn đoán suy tim độ IV là bệnh nặng có thể nguy hiểm đến tính mạng của họ, người bệnh phải được theo dõi sát và điều trị đúng phát đồ”.*

Theo điểm b khoản 2 Điều 29 Bộ luật hình sự 2015 cũng quy định người phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự khi có một trong các căn cứ sau đây: “*b) Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử, người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo dẫn đến không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nữa;”*.

Về nhân thân của bị cáo: Ngày 25/3/2016, bị cáo bị khởi tố, ngày 24/8/2016 bị truy tố về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” nhưng ngày 05/7/2016 Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã ban hành quyết định đình chỉ vụ án, bị cáo chưa bao giờ bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính nên xác định bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo đang bị bệnh nặng cần phải theo dõi sát và điều trị kịp thời, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nên không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội. Việc cho bị cáo được hưởng án treo không vi phạm các quy định tại Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, cần áp dụng khoản 1 khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999, cho bị cáo được hưởng án treo. Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo Nguyễn Đình Tr không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248; điểm đ khoản 1 Điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình Tr, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đình Tr.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; các điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 47, khoản 1 khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999, Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình Tr 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đình Tr cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Đình Tr không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS – CA tỉnh Đắk Nông;
- CA huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- UBND xã N;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HSVA.

(Đã ký)

Phạm Văn Cảnh